CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Du lịch Thành Thành Công

Ngày 30/06/2025	7,620 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.5%	**-4.8%**	**-**

DT thuần *Q2/25*
177 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 26.0| 17.0%
YoY: ▼41.0| -19.0%

LN thuần *Q2/25*
-44.3 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼0.60| -1.4%
YoY: ▼104| -174%

LN sau thuế *Q2/25*
-50.6 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼6.60| -15.0%
YoY: ▼96.9| -209%

Tỷ suất lãi EBIT *Q2/25*
8.9%
YoY: +/-▲ 2.7%

ROE (TTM) *Q2/25*
-8.7%
YoY: +/-▼ 9.0%

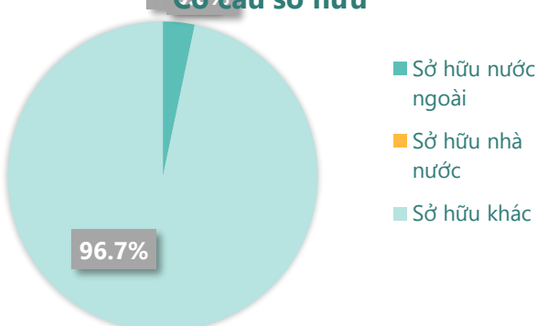
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,350 - 9,410
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	741
Số lượng CPLH (CP)	97,276,608
KLGD BQ 20 phiên (CP)	392,040
Sở hữu nước ngoài	3.3%
Beta	0.68
EPS	-960
P/E	-7.9

DT thuần *6T 2025*
327 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼51.0| -13.4%

LN thuần *6T 2025*
-88.0 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼104| -660%

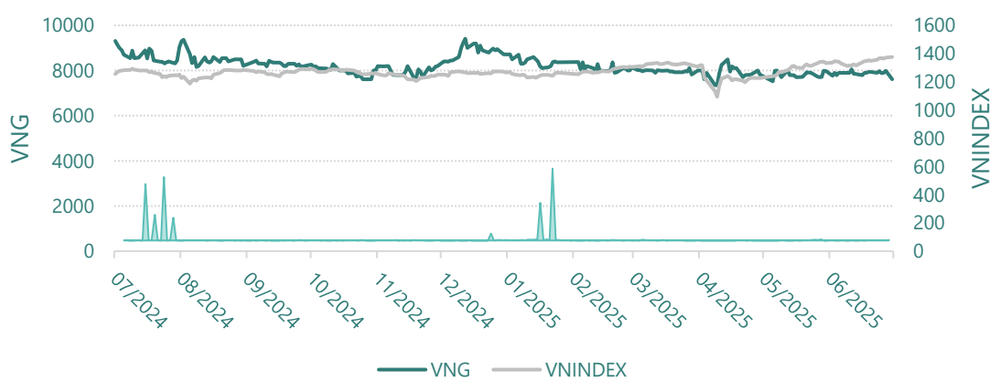
LN sau thuế *6T 2025*
-94.6 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼95.6| -9640%

Cơ cấu sở hữu

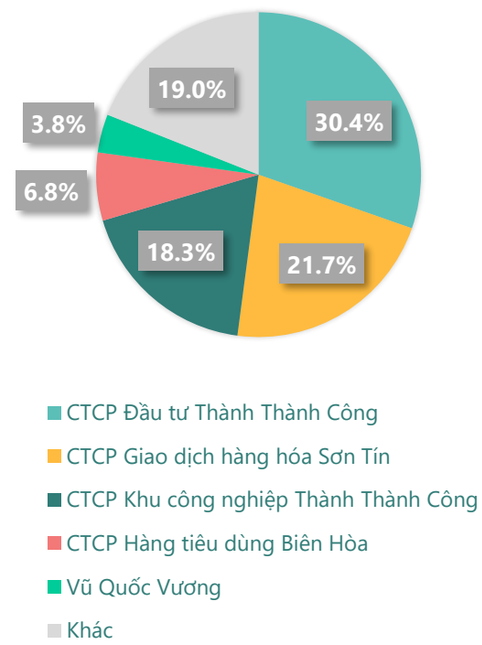


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



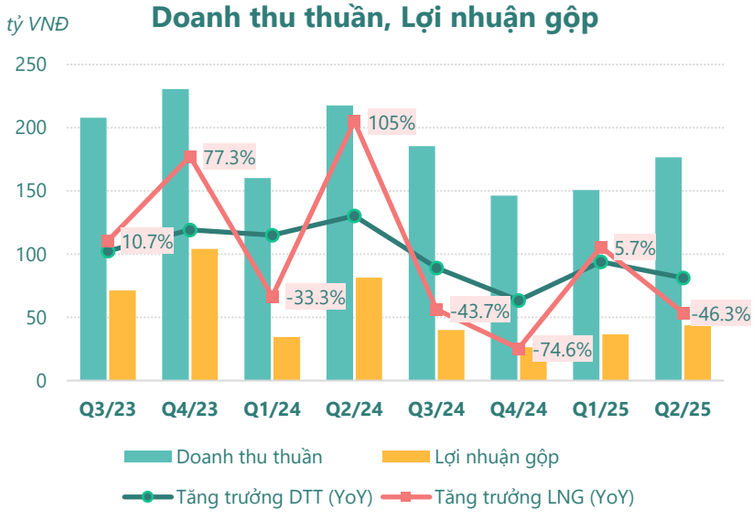
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

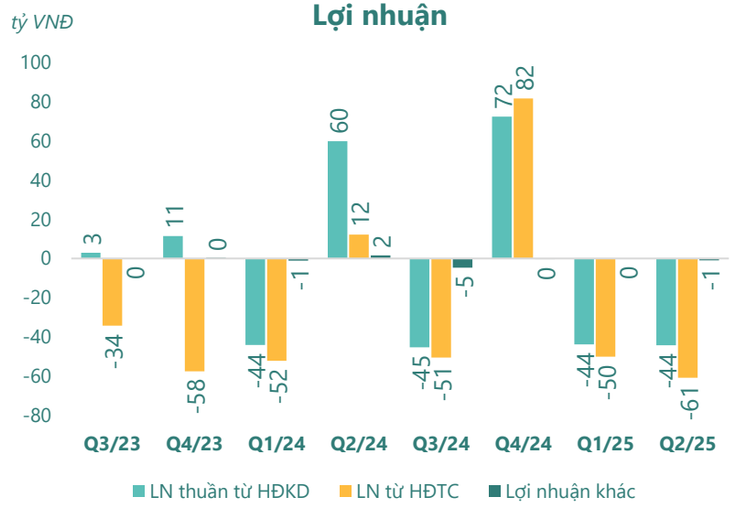
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



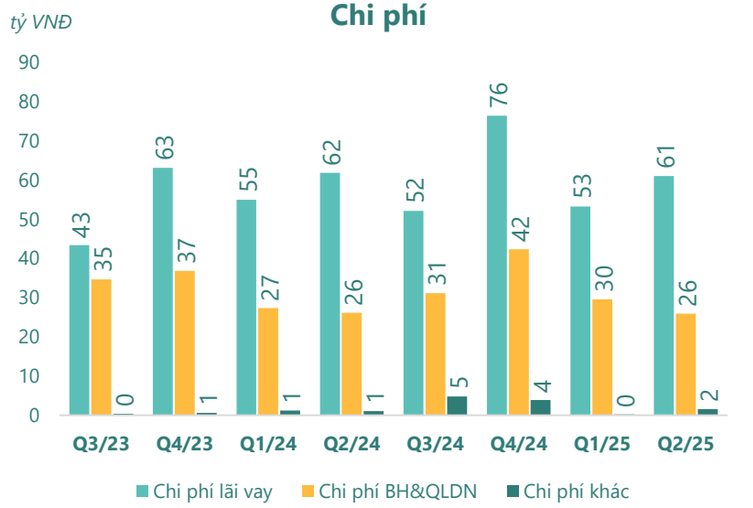
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



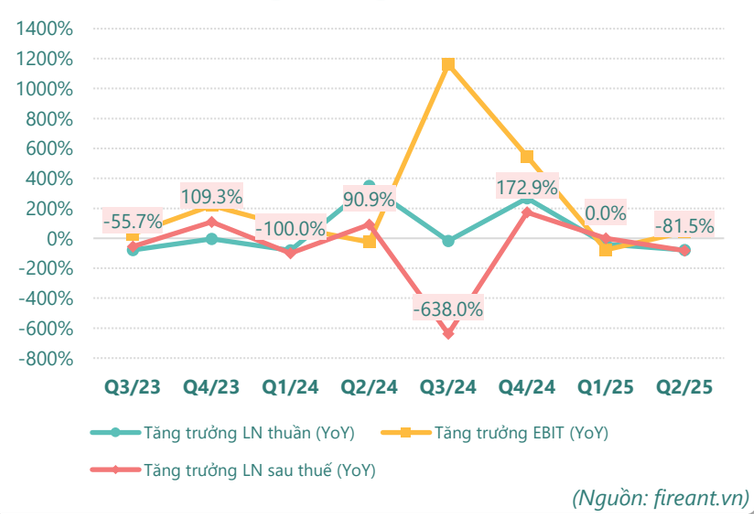
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



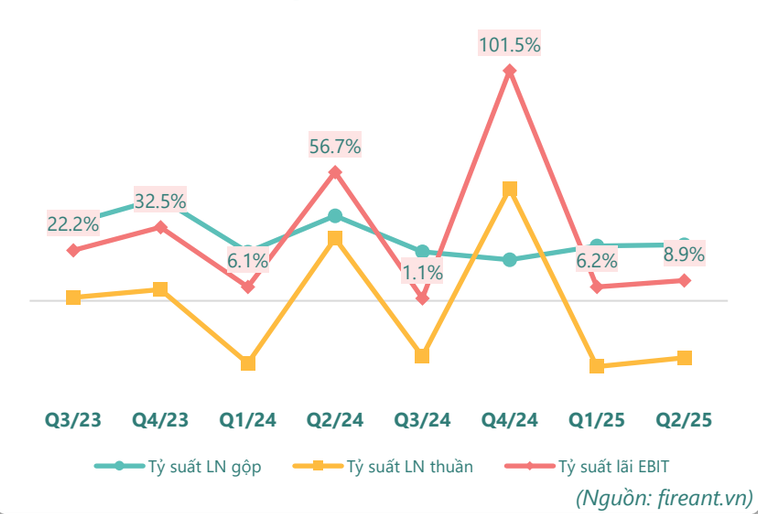
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



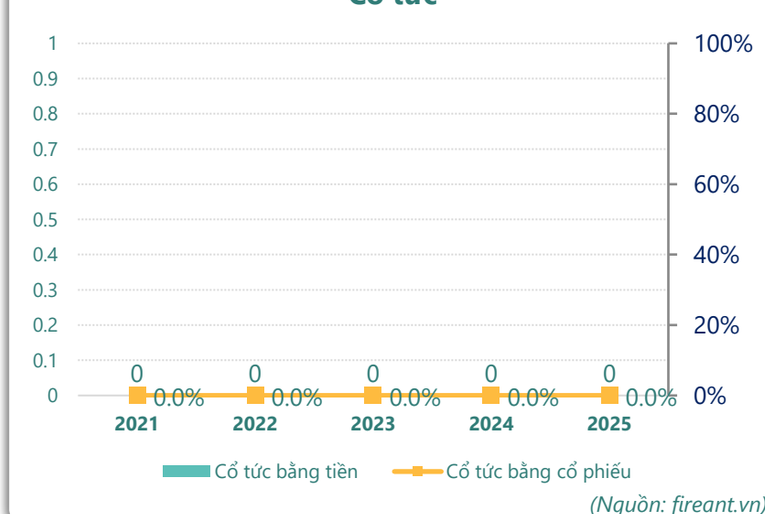
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

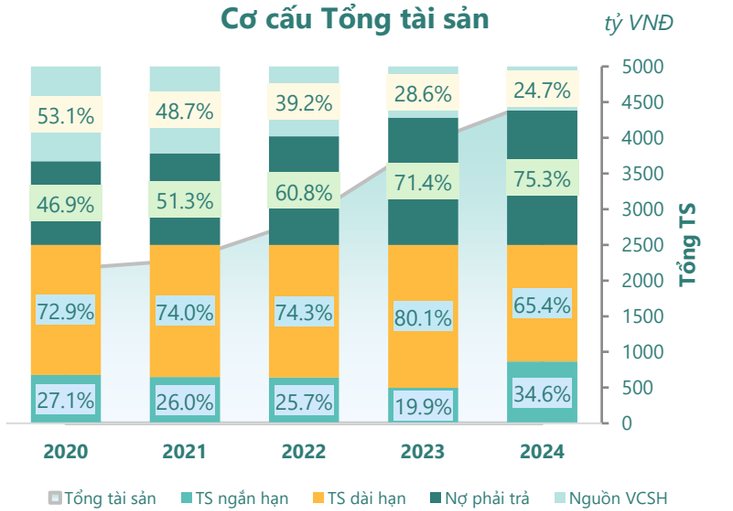
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

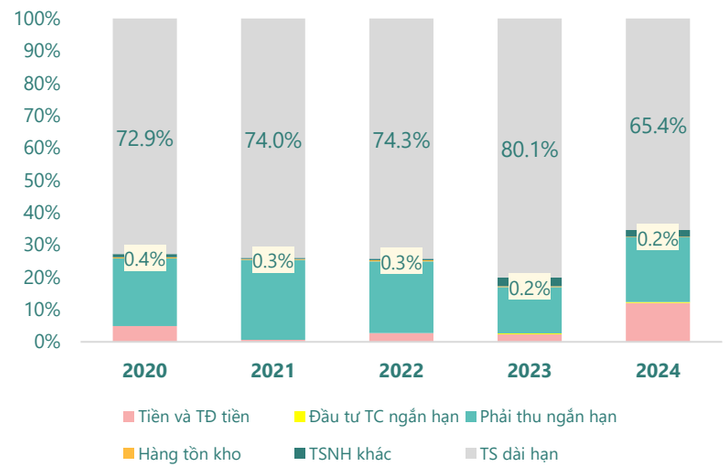
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



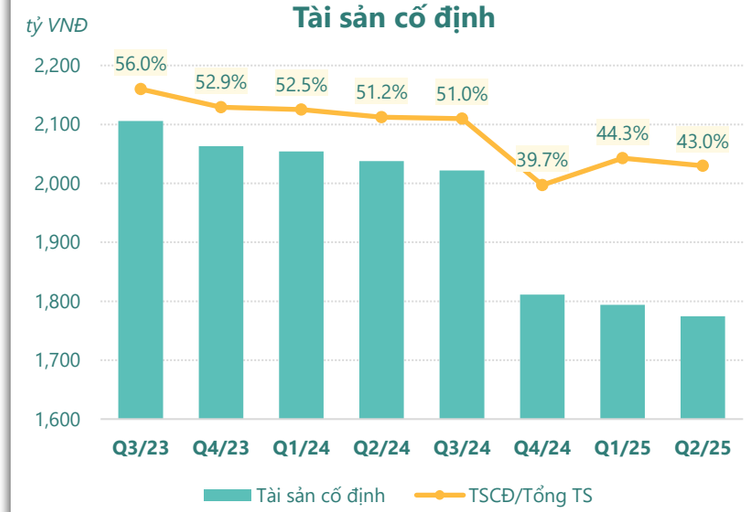
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



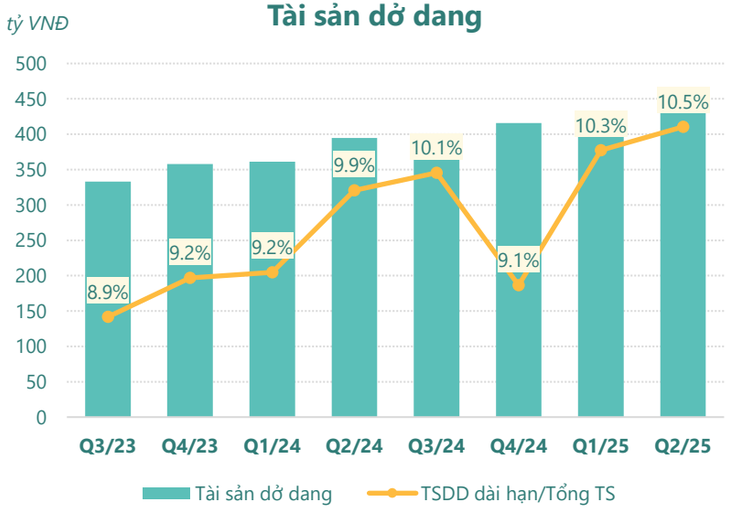
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



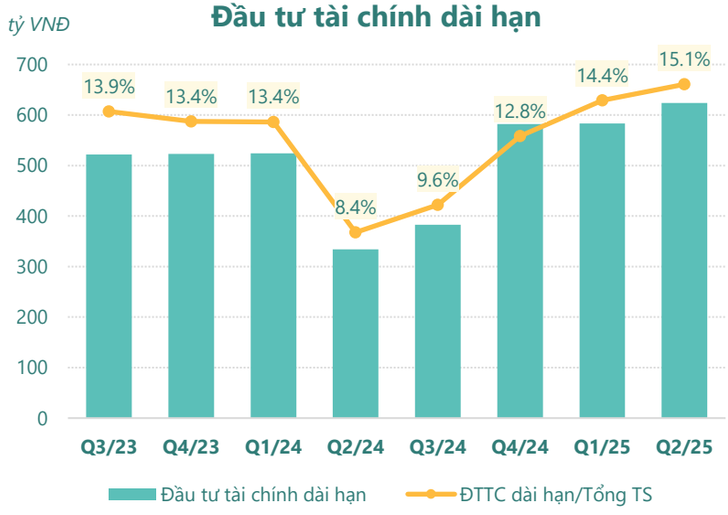
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



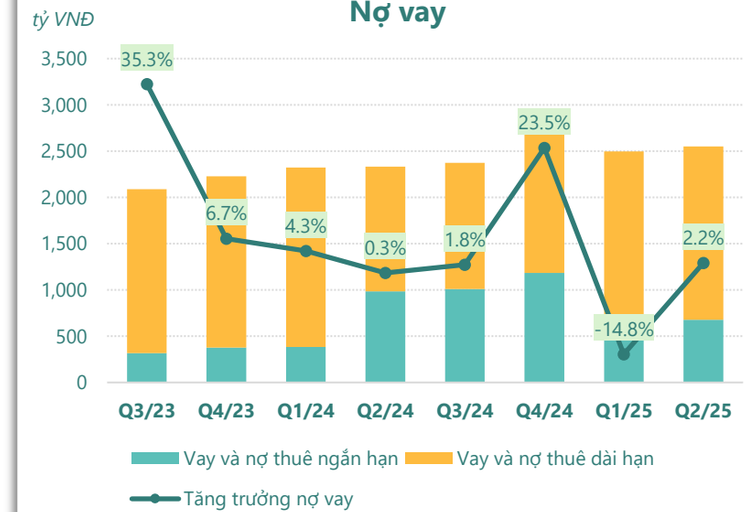
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

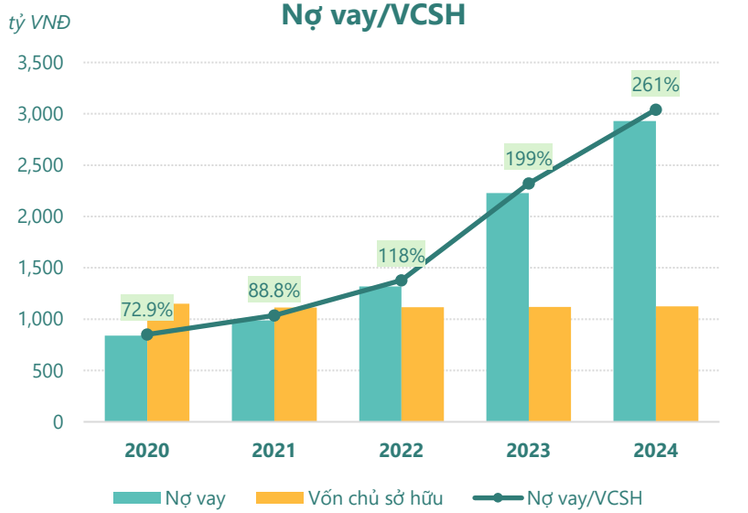
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

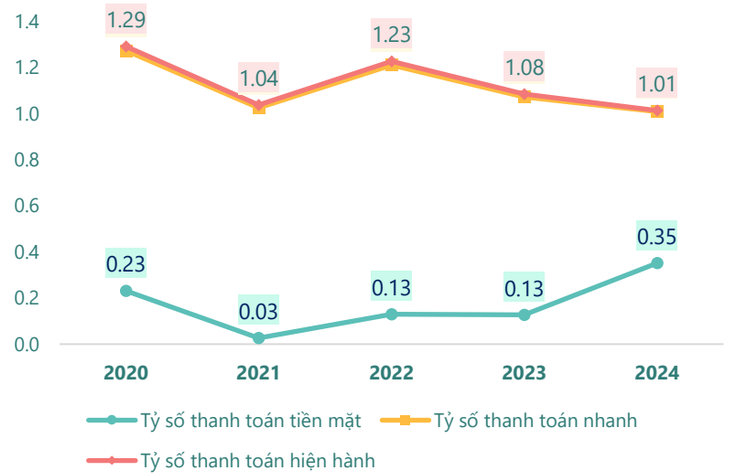
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



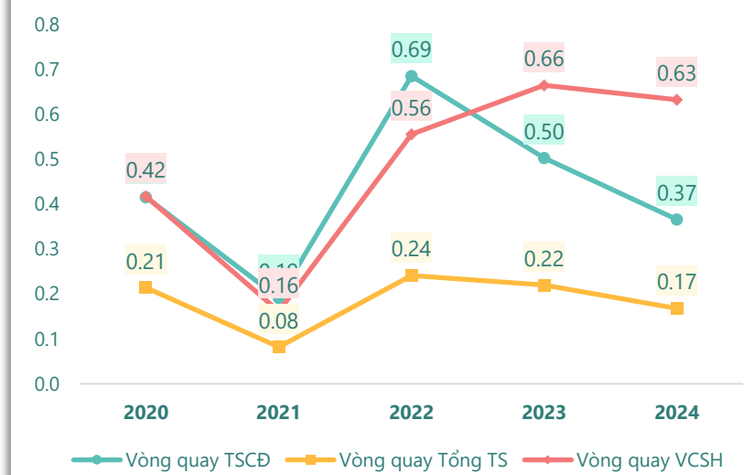
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



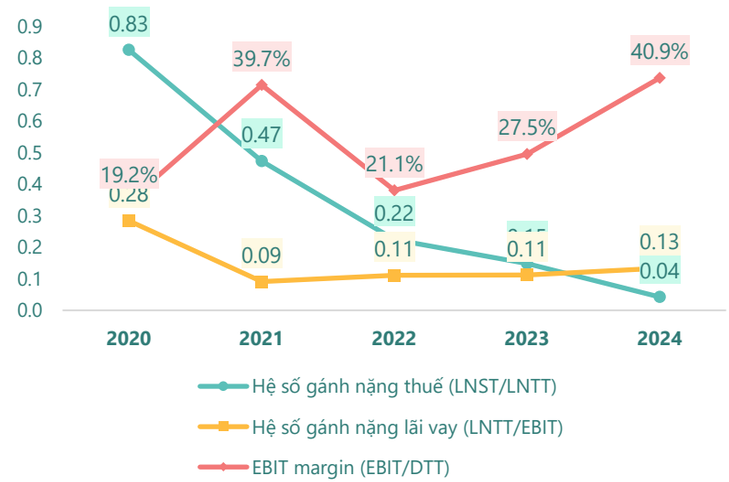
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



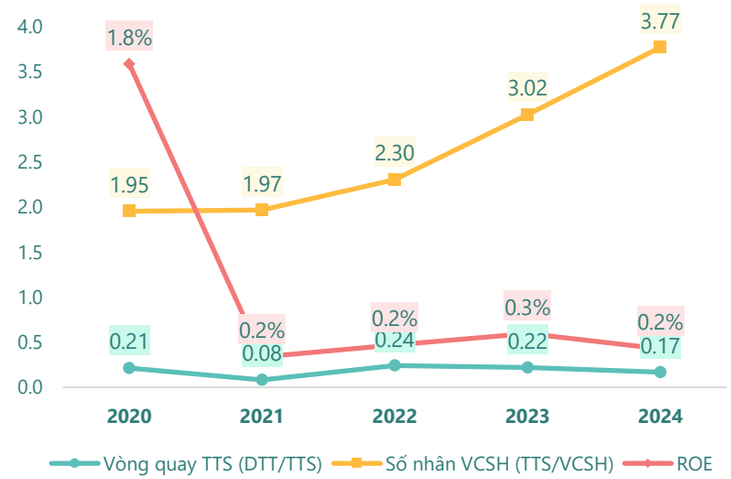
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



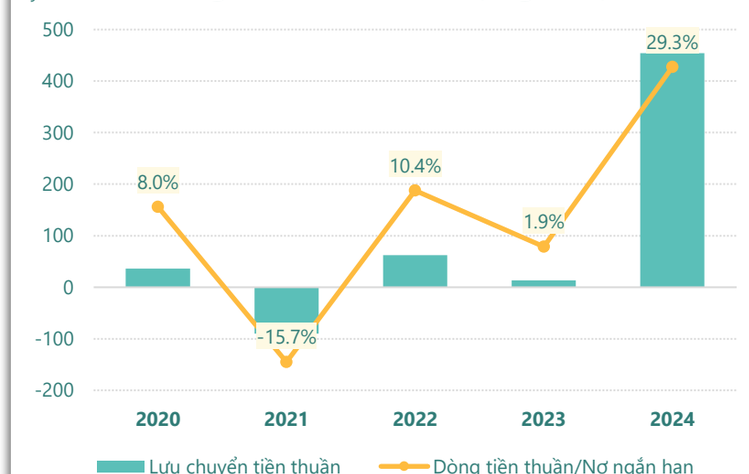
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**177**	**218**	**-19.0%**	**327**	**378**	**-13.4%**
Giá vốn hàng bán	133	136	-2.3%	247	262	-5.6%
Lợi nhuận gộp	43.7	81.5	-46.3%	80.2	116	-30.9%
Doanh thu HĐTC	4.12	76.3	-94.6%	8.54	81.5	-89.5%
Chi phí TC	64.9	64.1	1.3%	119	121	-1.6%
Chi phí lãi vay	61.0	61.9	-1.4%	114	117	-2.2%
LN trong công ty LKLD	**-1.36**	**-7.68**	**82.3%**	**-1.83**	**-6.90**	**73.5%**
Chi phí bán hàng	9.60	9.10	5.5%	18.9	15.5	22.5%
Chi phí QLDN	**16.3**	**17.0**	**-4.2%**	**36.6**	**38.0**	**-3.7%**
LN thuần từ HĐKD	-44.3	59.9	-174%	-88.0	15.7	-660%
Lợi nhuận khác	**-0.98**	**1.63**	**-160%**	**-1.21**	**0.52**	**-333%**
LN trước thuế	-45.3	61.5	-174%	-89.3	16.2	-650%
Lợi nhuận sau thuế	**-50.6**	**46.3**	**-209%**	**-94.6**	**0.99**	**-9640%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-50.6**	**46.3**	**-209%**	**-94.6**	**1.21**	**-7927%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-83.4	-186	94.2	60.2	388	-446
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-64.4	182	-152	-599	-456	396
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	96.6	7.45	48.3	550	-433	53.9
Tiền đầu kỳ	91.1	40.0	43.3	33.9	545	44.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-51.2**	**3.26**	**-9.34**	**11.4**	**-501**	**3.35**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.08	-0.08	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	40.0	43.3	33.9	45.2	44.4	47.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,130**	**4,544**	**-9.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,170	1,572	-25.6%
Tiền và tương đương tiền	47.8	545	-91.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	269	12.3	2094%
Phải thu ngắn hạn	737	913	-19.2%
Hàng tồn kho	15.1	7.55	101%
Tài sản ngắn hạn khác	100	94.0	6.4%
Tài sản dài hạn	**2,961**	**2,973**	**-0.4%**
Phải thu dài hạn	86.3	299	-71.2%
Tài sản cố định	1,774	1,811	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	432	412	4.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	624	391	59.5%
Tài sản dài hạn khác	**42.4**	**56.3**	**-24.6%**
Lợi thế thương mại	1.89	2.42	-22.1%
Nợ phải trả	3,101	3,421	-9.3%
Nợ ngắn hạn	**1,105**	**1,551**	**-28.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	679	1,139	-40.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	93.6	132	-29.3%
Nợ dài hạn	1,997	1,870	6.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,872	1,790	4.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,029**	**1,124**	**-8.4%**
Vốn chủ sở hữu	**1,029**	**1,124**	**-8.4%**
Vốn điều lệ	973	973	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)